

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

**Phụ lục: Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong
Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Cao Lãnh**

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
I	ĐẤT QUỐC PHÒNG	5,0000		5,0000			
1	Ban CHQS huyện Cao Lãnh	5,0000		5,0000	Mỹ Thọ	2026-2030	
II	ĐẤT AN NINH	0,7231		0,7231			
1	Mở rộng quy mô giam giữ Trại tạm giam	0,2031		0,2031	An Bình	2021	CV 1707/VPUBND-KT Ngày 29/07/2020 của VP UBND tỉnh; CV 1362/STNMT-CCQLĐĐ Ngày 06/5/2020 của STNMT tỉnh
2	Công an huyện Cao Lãnh (mở rộng)	0,40		0,40	TT Mỹ Thọ	2022-2030	
3	Nhà làm việc Đội An ninh	0,02		0,02	TT Mỹ Thọ	2022-2030	
III	ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP	150,00		150,00			
1	Khu công nghiệp Ba Sao	150,00		150,00	Ba Sao	2021	
IV	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP	125,16	12,05	113,11			
1	Cụm công nghiệp Bình Hàng Trung	105,16		105,16	Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây	2022-2030	NQ 06/2020/NQ-HĐND Ngày 29/04/2020 huyện Cao Lãnh
2	Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm An Bình	20,00	12,05	7,95	An bình	2022-2030	
V	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ	114,38	0,30	113,78			
1	Khu du lịch sinh thái Bình Thạnh	80,00		80,00	Bình Thạnh	2021-2025	
2	Khu du lịch Gáo Giồng	20,00		20,00	Gáo Giồng	2021-2030	
3	Nhà Máy nước mặt công suất 10,000 m ³ /ngày đêm (Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị làm chủ đầu tư)	1,3000		0,7000	Phong Mỹ	2021	- CV: 134/UBND-KTN ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh về việc bổ sung diện tích đất nhà máy nước,
4	Trạm cấp nước áp 7 (Kênh Chiến Lược - Nhà Báo)	0,0200		0,0200	Phương Thịnh	2021	
5	Trạm cấp nước kênh K6, Ấp 6	0,0200		0,0200	Tân Hội Trung	2021	
6	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu ông Nguyễn Tấn Sang	0,2900		0,2900	Phương Thịnh	2021	
7	Cửa hàng xăng dầu ông Nguyễn Hữu Tình	0,4000		0,4000	Phương Trà	2021	
8	Chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu ông Hoàng Ngọc Trung)	0,2000		0,2000	Mỹ Thọ	2021	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
9	Chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Bà Võ Thị Diệu Chi)	0,4000		0,4000	Phuong Thịnh	2021	
10	Chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Phạm Vinh Sừ)	0,1600		0,1600	Tân Nghĩa	2021	
11	Chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Ông Nguyễn Thanh Hải)	0,3000		0,3000	Ba Sao	2021	
12	Chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Ông Lê Văn Mười Hai)	0,1400		0,1400	Tân Nghĩa	2021	
13	DNTN Út So	0,0700		0,0700	Phong Mỹ	2021	Tờ bản đồ 11, thửa 2
14	DNTN Trí Thức	0,0600		0,0600	Thị trấn Mỹ Thọ	2021	Tờ bản đồ 03, thửa 73
15	DNTN Hai Cộng	0,0400		0,0400	Tân Hội Trung	2021	Tờ bản đồ 05, thửa 137, 186
16	DNTN Hoàng Huy	0,1000		0,1000	Phuong Thịnh	2021	Tờ bản đồ 07, thửa 1666, 1605
17	Cty TNHH Minh Phát	0,1000		0,1000	Mỹ Thọ	2021	Tờ bản đồ 03, thửa 759
18	DNTN Kiều Phúc	0,0800		0,0800	Phuong Trà	2021	Tờ bản đồ 04, thửa 60, 273
19	DNTN Thanh Kiều	0,0500		0,0500	Phong Mỹ	2021	Tờ bản đồ 05, thửa 2494
20	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của ông Nguyễn Minh Khương	0,0634		0,0634	Bình Thạnh	2021	Tờ bản đồ 09; thửa 541
21	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của ông Trần Văn Chảo	0,0500		0,0500	Phuong Thịnh	2021	Tờ bản đồ 7
22	Cửa hàng xăng dầu ông Nguyễn Minh Trung	0,1400		0,1400	Ba Sao	2021	
23	Cửa hàng xăng dầu ông Nguyễn Thăng Thành	0,1500		0,1500	Phuong Thịnh	2021	
24	Cửa hàng xăng dầu ông Nguyễn Văn út Mười	0,2000		0,2000	Tân Hội Trung	2021	
25	Nhà máy cấp nước Bình Hàng Tây (Công ty TNHH MTV Nước sạch Nhân Phát)	0,2380		0,2380	Bình Hàng Tây	2021	
26	Chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Cty TNHH TMDK Rạng Vãn)	0,9000		0,9000	Gáo Giồng	2021	Thửa 767-1434, Tờ 6
27	Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất thương mại dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu ông Lê Bá Dương)	0,1300		0,1300	Phuong Trà	2021	
28	Chuyển mục đích từ đất ở tại nông thôn sang đất thương mại dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu ông Trần Văn Khanh)	0,0300		0,0300	An Bình	2021	
29	Chuyển mục đích từ đất trồng	0,1300		0,1300	Bình Thạnh	2021	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
	cây lâu năm sang đất thương mại dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu bà Trần Thị Ngọc Diệp)						
30	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của ông Dương Phú Trường	0,4631		0,4631	Mỹ Thọ	2021	Tờ bản đồ: 03, thửa 139
31	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Bà Phạm Thị Bích Tuyền	0,0142		0,0142	Tân Hội Trung	2021	Tờ bản đồ: 10, thửa 1207
32	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Bà Võ Thị Diệu Chi	0,1244		0,1244	An Bình	2022-2025	
33	Trạm cấp nước áp 3	0,10		0,10	Phương Thịnh	2022-2025	Nhu cầu xã
34	Trạm cấp nước áp 6	0,10	0,10	0,10	Phương Thịnh	2022-2025	Nhu cầu xã
35	Trạm cấp nước Bờ Tây kênh Nhà Báo	0,10	0,10	0,10	Phương Thịnh	2022-2025	Nhu cầu xã
36	Trạm cấp nước Bờ Đông kênh Máy Đền	0,10	0,10	0,10	Phương Thịnh	2022-2025	Nhu cầu xã
37	Khu đất trạm Bảo vệ thực vật (cầu Cán Lồ)	0,17		0,17	thị trấn Mỹ Thọ	2021	
38	Khu đất khu dược liệu	0,11		0,11	thị trấn Mỹ Thọ	2021	
39	Trung tâm giáo dục thường xuyên	0,32		0,32	thị trấn Mỹ Thọ	2021	
40	Trụ sở UBND xã Bình Thạnh (cũ)	0,39		0,39	Bình Thạnh	2021	
41	Khu đất trạm y tế (cũ) xã Bình Thạnh	0,08		0,08	Bình Thạnh	2021	
42	Kho lương thực	0,15		0,15	Gáo Giồng	2021	
43	Khu đất (đội truyền tải điện 4 cũ)	0,37		0,37	An Bình	2021	
44	Khu đất cụm dân cư thuộc dự án kênh đồng Thét - Cán Lồ (K2)	4,92		4,92	Phương Trà	2021	
45	Khu đất trụ sở UBND xã Mỹ Xương cũ	0,22		0,22	Mỹ Xương	2021	
46	Trường tiểu học Phong Mỹ III (rạch Ông Kho)	0,10		0,10	Phong Mỹ	2021	
47	Khu đất cấp kênh Nguyễn Văn Tiếp				Phong Mỹ	2021	
48	Trạm y tế cũ	0,13		0,13	Phong Mỹ	2021	
49	Trụ sở UBND xã Bình Hàng Tây (cũ)	0,39		0,39	Bình Hàng Tây	2022-2025	
50	Trụ sở UBND xã Mỹ Long (cũ)	0,27		0,27	Mỹ Long	2022-2025	
51	Các khu đất thương mại, dịch vụ dự kiến	20,0		20,0	Các xã, thị trấn	2021-2030	
VI	ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP	32,66		32,66			
1	Nhà máy xay xát	1,00		1,00	Ba Sao	2021	
2	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất, phi nông nghiệp	2,0313		2,0313	Thị trấn Mỹ Thọ, Tân Nghĩa	2021	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
	(Xưởng chế biến nông sản và kho lạnh bảo quản nông sản Việt Đức)						
3	Mở rộng và xây dựng kho chứa phân bón thành phẩm (Công ty Cổ phần dịch vụ Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp)	0,2538		0,2538	An Bình	2021	
4	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ở đô thị sang đất phi nông nghiệp (Trung tâm giáo dục nghề nghiệp 3T Đồng Tháp)	0,1000		0,1000	Thị trấn Mỹ Thọ	2021	
5	Chuyển mục đích từ đất ở tại nông thôn sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Trạm cấp nước Mỹ Hưng Hòa)	0,0330		0,0330	Mỹ Xương	2021	
6	Chuyển mục đích từ đất ở tại nông thôn sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Nhà máy cấp nước Bình Hàng Tây)	0,2400		0,2400	Bình Hàng Tây	2021	
7	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Công ty Cổ phần dịch vụ phát triển nông nghiệp Đồng Tháp)	0,2538		0,2538	An Bình	2021	
8	Vùng sản xuất tập trung	8,75		8,75	Tân Hội Trung	2022-2030	
9	Các khu đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp dự kiến	41,60		41,60	Các xã, thị trấn	2021-2030	
VII	ĐẤT PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP QUỐC GIA, CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ						
VII.1	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ VĂN HÓA	8,10		8,10			
1	Trung tâm Văn hóa - Học tập công đồng xã Phương Thịnh	0,10		0,10	Phương Thịnh	2021-2025	QĐ 657/2020/ QĐ-UBND huyện danh mục đầu tư năm 2021
2	Các khu đất xây dựng cơ sở văn hóa dự kiến trên địa bàn huyện	8,00		8,00	Các xã, thị trấn	2022-2030	
VII.2	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ	16,90		16,90			
1	Trung tâm bảo trợ xã hội và Mở rộng bệnh viện phổi	9,9000		9,9000	Mỹ Thọ	2021	
2	Bệnh Viện nhiệt đới	5,0000		5,0000	Mỹ Thọ	2022-2025	Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Cao Lãnh
3	Trạm y tế dự kiến nâng cấp, mở rộng	1,10		1,10	Các xã, thị trấn	2022-2030	
VII.3	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	29,05	3,25	25,80			

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
a	Trung tâm dạy nghề	0,52		0,52			
1	Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên	0,52		0,52	Mỹ Thọ	2022-2030	
b	Trung học cơ sở	2,60		2,60			
1	Trường Trung học phổ thông Kiến Văn	2,4000		2,4000	Bình Hàng Trung	2021	
2	Trường THCS Phương Trà	0,2000		0,2000	Phương Trà	2021	
c	Tiểu học	2,13	1,02	1,12			
1	Trường Tiểu học Tân Hội Trung 1	0,3300	0,2160	0,1140	Tân Hội Trung	2021	
2	Trường Tiểu học Bình Thạnh 3	0,7140	0,2700	0,4440	Bình Thạnh	2021	
3	Trường tiểu học Phương Thịnh 1	0,6900	0,5300	0,1600	Phương Thịnh	2021	
4	Trường Tiểu học Bình Thạnh 2	0,4000		0,4000	Bình Thạnh	2023	
e	Mầm non, mẫu giáo	3,80	2,23	1,57			
1	Trường MN Tân Nghĩa (điểm phụ Nhà Máy)	0,1500		0,1500	Tân Nghĩa	2021	
2	Trường Mầm non Ba Sao	0,7400	0,2700	0,4700	Ba Sao	2021	
3	Trường Mầm non Gáo Giồng	0,775	0,0900	0,685	Gáo Giồng	2021-2025	
4	Trường Mầm non Bình Thạnh B	0,4000	0,1400	0,2600	Bình Thạnh	2022-2025	
5	Trường TH Đình Công Bê	0,38	0,38		Mỹ Thọ	2021-2025	Giao đất
6	Trường THCS Ba Sao	0,78	0,78		Ba Sao	2021-2025	Giao đất
7	Trường TH Bình Hàng Trung 2	0,57	0,57		Bình Hàng Trung	2021-2025	Giao đất
f	Khu dự trữ phát triển giáo dục	10,00		10,00			
1	Khu giáo dục dự kiến trên địa bàn huyện	10,00		10,00	Các xã, thị trấn	2021-2030	
VII.4	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO	13,19		13,19			
1	Sân bóng đá huyện	1,50		1,50	Thị trấn Mỹ Thọ	2021-2025	QĐ 657/2020/ QĐ- UBND huyện danh mục đầu tư năm 2021
2	Sân bóng đá cụm xã	1,00		1,00	Ba sao-Phương Thịnh-Gáo Giồng	2024	-nt-
3	Sân bóng đá cụm xã	1,00		1,00	Phong Mỹ-Tân Nghĩa-Phương Trà	2024	-nt-
4	Trung tâm thể dục - thể thao (thuộc QH Trung tâm xã, thị trấn)	9,69		9,69	TT Mỹ Thọ, Mỹ Hiệp, Bình Thạnh, Bình Hàng Trung	2021-2030	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
VII.5	ĐẤT CƠ SỞ DỊCH VỤ VỀ XÃ HỘI	2,00	0,70	1,30			
1	Dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội Đồng Tháp	2,00	0,70	1,30	Mỹ Thọ	2021-2025	
VII.6	ĐẤT GIAO THÔNG	492,44	32,39	460,05			
a	Quốc lộ	99,64		99,64			
1	Đường Hồ Chí Minh	27,59		27,59	An Bình, Nhị Mỹ, Mỹ Thọ	2022-2030	
2	Cao tốc An Hữu Cao Lãnh	72,05		72,05	An Bình, Nhị Mỹ, Mỹ Thọ, Mỹ Hội, Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây, Mỹ Long, Mỹ Hiệp	2022-2030	
b	Đường tỉnh	71,20		71,20			
1	Đường ĐT 857	44,58		44,58	Gáo Giồng, Phương Thịnh, Ba Sao	2021-2030	
2	Đường ĐT 843	26,62		26,62	Phong Mỹ, Tân Nghĩa	2021-2030	
c	Đường huyện	234,41	32,29	202,12			
1	Dự án nâng cấp đường liên huyện Tân Hội Trung - Thanh Mỹ	5,0000	2,8500	2,1500	Tân Hội Trung	2021	
2	Hệ thống cầu bờ Tây cặp kênh Đường Thét	0,2500		0,2500	Ba Sao	2021	
3	Đường Đ05 xã Mỹ Hiệp	1,0000		1,0000	Mỹ Hiệp	2021	
4	Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp	68,8700	21,940	46,930	Phong Mỹ; Tân Nghĩa, Gáo Giồng, Phương Thịnh, Ba Sao, Phương Trà, Tân Hội Trung, Mỹ Long, Mỹ Hiệp	2021	
5	Cầu Cả Mác – Cầu Ngã Đồng	0,2200		0,2200	Ba Sao – Tân Nghĩa	2021	
6	Đường bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp	11,2500	7,5000	3,7500	Ba Sao – Tân Nghĩa – Phong Mỹ	2021	
7	Đường trục D3 kết hợp giao thông và tuyến dân cư giai đoạn 1	4,3000		4,3000	Mỹ Hiệp	2021	
8	Đường HCL.M4	77,04		77,04	Tân Hội Trung, Mỹ Thọ, Nhị Mỹ, Phương Trà, Tân Nghĩa,	2021-2030	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
					Phong Mỹ		
9	Đường HCL.M7	62,22		62,22	Ba Sao, Phương Thịnh, Tân Nghĩa, Phong Mỹ	2021-2030	
10	Nâng cấp mở rộng mặt đường từ bến xe Gáo Giồng đến khu du lịch Gáo Giồng (Đoạn 1)	0,33		0,33	Gáo Giồng	2022-2025	
11	Đ Bờ đông Cái Bèo (đoạn Bôn miệng - công Thủy Lợi)	0,51		0,51	Bình Hàng Trung	2022	ĐH (M3)
12	Đ Bờ đông Cái Bèo (cầu, công trên tuyến)	0,60		0,60	Bình Hàng Trung	2022	ĐH (M3)
13	Đ Bờ bắc kênh Thầy Thuốc	0,66		0,66	Ba Sao	2021-2025	ĐH (M7)
14	Đ Bờ đông kênh 15	2,16		2,16	Gáo Giồng	2021-2025	ĐH (M1)
d	Đường giao thông nông thôn	81,60	0,10	81,50			
1	Cầu Cái Bèo áp 2	0,1000		0,1000	Tân Hội Trung	2021	
2	Xây dựng hạ tầng nông nghiệp vùng xoài xã Mỹ Xương	1,3600		1,3600	Mỹ Xương	2021	
3	Cầu Ngã Bảy áp 3	0,2000		0,2000	Mỹ Hiệp	2021	
4	Đường bờ Đông kênh Cái Bèo (đoạn qua xã Tân Hội Trung)	0,6000	0,1000	0,5000	Tân Hội Trung	2021	
5	Đường Rạch Tre	0,38		0,38	Bình Hàng Tây	2021-2025	
6	Đ Bà Kết	0,40		0,40	TT Mỹ Thọ	2021-2025	
7	Đ Kênh Đình - Cao Mên	0,57		0,57	Bình Hàng Trung	2021-2025	
8	Đ Xẻo Nga - Bà Lương - Hội Đồng Tường	0,90		0,90	Mỹ Hiệp	2021-2025	
9	Đ Bờ đông Hội Đồng Tường	1,14		1,14	Tân Hội Trung	2021-2025	
10	Đ Cặp kênh Xẻo Sinh (bờ tây)	2,19		2,19	Nhị Mỹ, Ba Sao	2021-2025	
11	Đ Bờ nam kênh Ngã Bát	0,54		0,54	Mỹ Thọ	2021-2025	
12	Đ Cái Tre - Xẻo Sinh (bờ nam)	0,90		0,90	Nhị Mỹ	2021-2025	
13	Đ Đập Đá - Kiểm Điền - Cái Bèo (GD 1)	1,26		1,26	Mỹ Thọ	2021-2025	
14	Đ Kết nối Cồn Dĩa	0,23		0,23	Bình Thạnh	2021-2025	
15	Đ Ngã Bát - Kiểm Điền	1,32		1,32	Mỹ Thọ	2021-2025	
16	Đ Vành đai Bình Hưng	2,10		2,10	Bình Thạnh	2021-2025	
17	Đ Bờ bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp	7,32		7,32	Ba Sao - Tân Nghĩa, Phong Mỹ	2021-2025	
18	Đ Thủy lợi - Mỹ Thạnh	0,40		0,40	Mỹ Xương	2021-2025	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
19	Đ Bờ tây Xẻo Gừa	0,53		0,53	Mỹ Xương	2021-2025	
20	Đ Bờ bắc rạch Ông Tú - Tám Beo	0,60		0,60	An Bình	2021-2025	
21	Đ Rạch Ba Sao - Ông Đụng	0,51		0,51	Mỹ Long	2021-2025	
22	Đ Mẫu Giáo - Sáu Lắm; Sáu Thu - Bảy Thới	1,35		1,35	Bình Thạnh	2021-2025	
23	Đ Ngã 3 Cái Sậy - Cầu Rạch Lũy	0,66		0,66	Bình Hàng Tây	2021-2025	
24	Đ Kênh Đình - Rạch Tre (GD 2)	0,43		0,43	Bình Hàng Trung	2021-2025	
25	Đ Bờ bắc Cá Môn	1,05		1,05	Phương Trà	2021-2025	
26	Đ Bờ đông kênh Nhà Báo	0,31		0,31	Phương Thịnh	2021-2025	
27	Đ Bờ đông kênh Nhà Hay (GD 2)	0,78		0,78	Phong Mỹ	2021-2025	
28	Đ Bờ nam kênh Nguyễn Văn Tiếp	1,59		1,59	Ba Sao - Phương Trà	2021-2025	
29	Đ Bờ tây kênh 307 (nâng cấp mở rộng)	0,90		0,90	Mỹ Hiệp	2021-2025	
30	Đ Bờ đông kênh Kỳ Sơn (nâng cấp mở rộng)	2,46		2,46	Ba Sao	2021-2025	
31	Đ Bờ bắc Cái Tre, cầu trên tuyến	0,76		0,76	Phương Trà	2021-2025	
32	Đ Bờ đông sông Cần Lộ (nâng cấp, mở rộng)	2,40		2,40	Nhị Mỹ, Phương Trà	2021-2025	
33	Đ Bờ đông sông Cái Nhỏ	1,50		1,50	Mỹ Hiệp, Mỹ Long	2021-2025	
34	Đ Rạch Góc - Đường Tắc	1,88		1,88	An Bình, Nhị Mỹ	2021-2025	
35	Đ Bờ tây kênh Ba Tâm	1,50		1,50	Tân Hội Trung	2021-2025	
36	Đ Bờ đông kênh Ranh	1,35		1,35	Tân Hội Trung	2021-2025	
37	Đ Bờ tây kênh Đường Thét (NT Động Cát)	0,66		0,66	Ba Sao	2021-2025	
38	Đ Bờ tây Kênh Đường Thét	1,23		1,23	Ba Sao, Nhị Mỹ	2021-2025	
39	Đ Bờ bắc kênh Bảy Thước	5,63		5,63	Ba Sao	2021-2025	
40	Đ Rạch Cái Tre (bờ Nam)	1,20		1,20	Nhị Mỹ	2021-2025	
41	Đ Bờ bắc kênh Ông Kho (nâng cấp mở rộng)	1,74		1,74	Phong Mỹ, Tân Nghĩa	2021-2025	
42	Đ Bờ đông kênh Công Sự	0,72		0,72	Phương Thịnh	2021-2025	
43	Đ Bờ đông Kênh Giữa	1,65		1,65	Phương Thịnh	2021-2025	
44	Đ Bờ bắc kênh An Phong Mỹ Hòa	0,90		0,90	Phương Thịnh	2021-2025	
45	Đ Kênh Lô 7	0,33		0,33	Phương Thịnh	2021-2025	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
46	Đường bờ tây kênh Máy Đền	1,20		1,20	Phuong Thịnh	2021-2025	
47	Đ Rạch Cái Da	1,05		1,05	An Bình	2021-2025	
48	Đ Kênh Mười Tạ (GD 2)	1,20		1,20	Gáo Giồng	2021-2025	
49	Đường Nguyễn Minh Trí	4,1800		4,1800	TT Mỹ Thọ	2021-2025	
50	Đường cầu Miếu Trắng - Năm Cầm	0,3000		0,3000	Bình Thạnh	2021-2025	
51	Đường Xẻo Quýt - Hội Đồng Tường	0,9000		0,9000	Mỹ Long	2021-2025	
52	Đường Quốc lộ 30- cặp sông Cái Nhỏ	0,4200		0,4200	Mỹ Long	2021-2025	
53	Đường Bờ Tây Xẻo Sinh	1,9300		1,9300	Nhị Mỹ	2021-2025	
54	Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Long	0,10		0,10	Mỹ Long	2021-2025	
55	Đường An Bình - Nhị Mỹ	1,7600		1,7600	An Bình; Nhị Mỹ	2021-2025	
56	Đường Ngã Chùa Nhỏ (Quốc lộ 30 - cầu Bà Lương)	0,6700		0,6700	Mỹ Hiệp	2021-2025	
57	Đường Khém Chàm	0,7500		0,7500	Bình Thạnh	2021-2025	
58	Đường Rạch Cầu - Mỹ Thành	1,5000		1,5000	Mỹ Hội	2021-2025	
59	Đường Mỹ Thạnh	0,5600		0,5600	Mỹ Xương	2021-2025	
60	Đường bờ Tây kênh Ông Hai	1,1200		1,1200	Mỹ Thọ	2021-2025	
61	Đường Cầu Đình - Tám Bên	0,7000		0,7000	An Bình	2021-2025	
62	Đường bờ Đông rạch Cả Môn	1,0500		1,0500	Phuong Trà	2021-2025	
63	Đường bờ tây sông Cầm Lố (cầu Lung mây- đường đản hiện hữu)	0,4200		0,4200	Phuong Trà	2021-2025	
64	Đường bờ Tây Kênh 15 (đoạn từ Điểm Đồn đến ranh giáp xã Phú Cường)	1,3500		1,3500	Gáo Giồng	2021-2025	
65	Đường Cườm Gạo(bờ đông Tây)	0,6000		0,6000	Mỹ Hội	2022-2030	
66	Đường Mỹ Thành(bờ đông- Tây)	0,5000		0,5000	Mỹ Hội	2022-2030	
67	Đường Cống Ông Cá	0,2600		0,2600	Mỹ Hội	2022-2030	
68	Đường Rạch Cầu 2	0,7000		0,7000	Mỹ Hội	2022-2030	
69	Đường Lũy	0,7000		0,7000	Mỹ Hội	2022-2030	
70	Tuyến Tre đôi	0,8000		0,8000	Mỹ Hội	2022-2030	
71	Tuyến Đông Mỹ	0,3500		0,3500	Mỹ Hội	2022-2030	
e	Hệ thống cầu – bến xe	4,26		4,26			

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
1	Cầu Kênh Ranh (Mỹ Quý)	0,03		0,03	Tân Hội Trung	2021-2025	
2	Cầu Kênh Băng	0,03		0,03	Ba Sao	2021-2025	
3	Cầu Bảy Thước	0,03		0,03	Ba Sao	2021-2025	
4	Cầu Kênh K 3	0,03		0,03	Tân Hội Trung	2021-2025	
5	Cầu Kênh K 4	0,03		0,03	Tân Hội Trung	2021-2025	
6	Cầu Kênh K 6	0,03		0,03	Tân Hội Trung	2021-2025	
7	Cầu Lung Huyện	0,03		0,03	Tân Hội Trung	2021-2025	
8	Cầu Kênh Ranh (Bình Hàng Trung)	0,03		0,03	T H Trung, B H Trung	2021-2025	
9	Cầu Ngã Tư Nhỏ	0,03		0,03	Bình Hàng Trung	2021-2025	
10	Cầu Hai Bon	0,03		0,03	Bình Hàng Trung	2021-2025	
11	Cầu Đường Trâu	0,03		0,03	Bình Hàng Trung	2021-2025	
12	Cầu Cống Kho	0,02		0,02	Ba Sao	2021-2025	
13	Cầu Vàm Cống Trục	0,02		0,02	Ba Sao	2021-2025	
14	Cầu Kênh Hàng Tràm	0,02		0,02	Ba Sao	2021-2025	
15	Cầu Kênh 3	0,02		0,02	Ba Sao	2021-2025	
16	Cầu Kênh cả Mác	0,02		0,02	Tân Nghĩa	2021-2025	
17	Cầu Cả Mác- đường vào cầu	0,02		0,02	Tân Nghĩa	2021-2025	
18	Cầu Kênh Ngã Đồng	0,02		0,02	Tân Nghĩa	2021-2025	
19	Cầu Đập Đá	0,02		0,02	Phong Mỹ	2021-2025	
20	Cầu Cả Bứa	0,02		0,02	Phong Mỹ	2021-2025	
21	Cầu Ngọn Nhà Hay	0,02		0,02	Phong Mỹ	2021-2025	
22	Cầu Kênh Mới Đào	0,02		0,02	Phong Mỹ	2021-2025	
23	Cầu Mương Trâu	0,02		0,02	Phuong Trà	2021-2025	
24	Cầu nông thôn (vốn vận động + Ngân sách địa phương đối ứng) 50 cầu	0,75		0,75	Các xã	2021-2025	
25	Bến xe khách, xe tải tỉnh Đồng Tháp	2,9420		2,9420	An Bình	2021	
VII.7	ĐẤT THỦY LỢI	142,45		142,45			

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
1	Bờ kè chống sạt lở và bảo vệ khu dân cư thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Giai đoạn 3)	0,5000		0,5000	Thị trấn Mỹ Thọ	2021	
2	Bờ kè chống sạt lở và bảo vệ khu dân cư TT Mỹ Thọ (GD 2)	0,8500		0,8500	Thị trấn Mỹ Thọ	2021	
3	Kè bờ từ đoạn Kè Bình Thành đến Vàm Phong Mỹ	0,6000		0,6000	Phong Mỹ	2022-2025	
4	Bờ kè hoa viên Sông Xóm Giồng	0,50		0,50	TT Mỹ Thọ	2022-2025	QĐ 657/2020/ QĐ-UBND huyện danh mục đầu tư năm 2021
5	Hồ chứa nước ngọt Gáo Giồng	140,00		140,00	Gáo Giồng	2021-2030	
VII.8	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG	2,00		2,00			
1	Quy hoạch đất công trình năng lượng	2,00		2,00	Tân Hội Trung	2021-2030	UBND xã bổ sung
VII.9	ĐẤT CHỢ	18,51		18,51			
1	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển chợ Phương Trà	2,51		2,51	Phương Trà	2021-2025	
2	Quy hoạch mở rộng chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp	16,00		16,00	Mỹ Hiệp	2021-2025	
VIII	ĐẤT CỔ DI TÍCH – LỊCH SỬ VĂN HÓA	1,08		1,08			
1	Khu di tích Tràm dơi	1,00		1,00	Mỹ Thọ	2021-2025	
2	Bia ghi dấu sự kiện đấu tranh chống lán chiếm Vàm Xáng, xã Mỹ Thọ	0,08		0,08	Mỹ Thọ	2021-2025	
IX	ĐẤT BÃI THẢI, XỬ LÝ CHẤT THẢI	62,76		62,76			
1	Mở rộng Trung tâm công nghệ xử lý môi trường Mỹ Thọ	52,0000		52,000	Mỹ Thọ	2021	
2	Khu xử lý nước thải tập trung	1,50		1,50	Mỹ Hiệp	2022-2030	
X	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	273,90		273,90			
1	Cụm dân cư ấp 4, xã Phương Trà	3,0000		3,0000	Phương Trà	2021	
2	Cụm dân cư ấp 2, xã Mỹ Long	4,0000		4,0000	Mỹ Long	2021	
3	Tuyến dân cư số 3 (dọc theo ĐT 850)	3,0000		3,0000	Tân Hội Trung	2021	
4	Cụm dân cư ấp 4, xã Phương Thịnh	2,5000		2,5000	Phương Thịnh	2021	
5	Cụm dân cư K15	0,9000		0,9000	Gáo Giồng	2021	
6	Cụm dân cư xã Gáo Giồng	1,5000		1,5000	Gáo Giồng	2021	
7	Quy Chi tiết xây dựng Điểm dân cư ấp 2, xã Mỹ Hiệp	10,0000		10,000	Mỹ Hiệp	2021	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
8	Hạ tầng phát triển đô thị loại V	1,4700		1,4700	Mỹ Hiệp	2021	
9	Hạ tầng đô thị Mỹ Hiệp, Phương Trà	1,5000		1,5000	Phương Trà	2021	
10	Khu đô thị mới tại huyện Cao Lãnh	82,4000		82,400	An Bình	2021	
11	Hạ tầng khu dân cư và Chợ Bình Hàng Trung	4,3610		4,3610	Bình Hàng Trung	2021	
12	Khu dân cư ấp 2, xã Mỹ Hiệp	4,0000		4,0000	Mỹ Hiệp	2021	
13	Điểm dân cư ấp 5, xã Gáo Giông	3,2100		3,2100	Gáo Giông	2021	
14	Khu dân cư đô thị mới	10,4000		10,400	An Bình	2021	
15	Khu dân cư Cã Môn	1,9700		1,9700	Nhị Mỹ	2021	
16	Khu dân cư đường Thống Linh nối dài	5,0000		5,0000	Mỹ Thọ	2021	
17	Điểm dân cư ấp An Lạc	5,0000		5,0000	An Bình	2023-2025	
18	Điểm dân cư ấp 4	3,0000		3,0000	Phương Trà	2023-2025	
19	Điểm dân cư ấp 1, Mỹ Long	3,5000		3,5000	Mỹ Long	2023-2024	
20	Điểm dân cư ấp Bình Phú Lợi	0,3400		0,3400	Bình Thạnh	2022-2030	
21	Điểm dân cư đường cóc	0,8600		0,8600	Mỹ Xương	2022-2030	
22	Điểm dân cư (cấp kênh Hội Đồng Tường mở rộng)	7,0000		7,0000	Mỹ Long	2022-2030	
23	Điểm dân cư chợ cũ Mỹ Xương	1,0000		1,0000	Mỹ Xương	2022-2030	
24	Điểm dân cư Mỹ Xương	0,2200		0,2200	Mỹ Xương	2022-2030	
25	Điểm dân cư ấp 1, xã Tân Hội Trung	0,47		0,47	Tân Hội Trung	2022-2030	
26	Điểm dân cư cầu đá	5,00		5,00	Phương Trà	2022-2030	

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
27	Điểm dân cư ấp 1 chợ Phong Mỹ	8,00		8,00	XPhong Mỹ	2022-2030	
28	Các khu đất ở nông thôn theo Quy hoạch trung tâm xã	15,30		15,30	Các xã	2022-2030	
29	Các tuyến dân cư nông thôn trên địa bàn huyện dự kiến (quỹ đất chuyển mục đích sử dụng đất ở hộ gia đình cá nhân)	128,41		128,41	Các xã	2021-2030	
XI	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	15,00		15,00			
1	Cụm dân cư Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ	0,0011		0,0011	Thị trấn Mỹ Thọ	2021	
2	Khu dân cư Rạch Miễu	5,00		5,00	thị trấn Mỹ Thọ	2022-2030	
3	Các tuyến dân cư đô thị trên địa bàn thị trấn Cao Lãnh dự kiến (quỹ đất chuyển mục đích sử dụng đất ở hộ gia đình cá nhân)	10,0		10,0	TT. Mỹ Thọ	2022-2030	
XII	ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN	1,50		1,50			
1	Trụ sở UBND xã Mỹ Long	1,00		1,00	Mỹ Long	2021	
2	Tòa án Huyện	0,50		0,50	Thị trấn Mỹ Thọ	2021	
XIII	ĐẤT CƠ SỞ TÔN GIÁO	0,43		0,43			
1	Hung Thạnh Tự	0,40		0,40	Bình Thạnh	2021	
2	Chùa Phước Thạnh	0,0291		0,0291	Thị trấn Mỹ Thọ	2021	Thửa 327, Tờ 7
XIV	ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA, NHÀ TANG LỄ, NHÀ HÓA TÁNG	18,28		18,28			
1	Nghĩa trang huyện Cao Lãnh	0,50		0,50	thị trấn Mỹ Thọ	2021-2030	
2	Quy hoạch Nghĩa trang xã Gáo Giồng	2,20		2,20	Gáo Giồng	2021-2030	
3	Quy hoạch Nghĩa trang xã Tân Nghĩa	2,30		2,30	Tân Nghĩa	2021-2030	
4	Quy hoạch Nghĩa trang xã Mỹ Thọ	10,14		10,14	Mỹ Thọ	2021-2030	
5	Quy hoạch Nghĩa trang xã Mỹ Long	3,14		3,14	Mỹ Long	2021-2030	
XV	ĐẤT SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG	2,00		2,00			
1	Nhà văn hóa ấp dự kiến (20 ấp)	2,00		2,00	Các xã	2022-2030	QĐ 657/2020/ QĐ-UBND huyện danh mục đầu tư năm 2021
XVI	ĐẤT KHU VUI CHƠI, GIẢI TRÍ CÔNG CỘNG	10,28		10,28			

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
1	Khu dự kiến phát triển trung tâm các xã	10,28		10,28	Xã, thị trấn	2022-2025	
XVII	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC	8,33		8,33			
1	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác (Trang trại trồng nấm)	1,4500		1,4500	Mỹ Hội	2021	
2	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác (Trang trại ADT Ba Sao -Trồng cây nông nghiệp, cây dược liệu)	3,1000		3,1000	Ba Sao	2021	
3	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác (Trang trại nuôi gà)	1,6000		1,6000	Phước Thịnh	2021	
4	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác (Trang trại nuôi gà)	1,2811		1,2811	Phước Thịnh	2021	
5	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác (Trang trại trồng nấm)	0,9000		0,9000	Ba Sao	2021	Tờ bản đồ: 08, thửa 472 và một phần thửa 474
XVIII	KHU ĐẤT CÔNG KÊU GỌI ĐẦU TƯ						
a	Dự án nông nghiệp (nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao...)	4,53		4,53			
1	Đất bãi bồi	0,31		0,31	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 12, thửa đất 379
2	Đất bãi bồi	2,08		2,08	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 19, thửa đất 1701
3	Đất bãi bồi	0,28		0,28	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 19, thửa đất 1884
4	Đất bãi bồi	0,42		0,42	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 19, thửa đất 1885
5	Đất bãi bồi	0,25		0,25	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 19, thửa đất 1887
6	Đất bãi bồi	0,17		0,17	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 22
7	Đất bãi bồi	6,14		6,14	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 22, thửa đất 457
8	Đất bãi bồi	3,60		3,60	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 22, thửa đất 458
9	Đất bãi bồi	2,30		2,30	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 23, thửa đất 517
10	Đất bãi bồi	32,00		32,00	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 23, thửa đất 520
11	Đất bãi bồi	3,10		3,10	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 23, thửa đất 521
12	Đất bãi bồi	8,60		8,60	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 23, thửa đất 523
13	Đất công	4,24		4,24	Gáo Giồng	2021-2025	Tờ bản đồ 01, thửa đất 556

Dự án lập: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Cao Lãnh – tỉnh Đồng Tháp

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
b	Dự án sản xuất kinh doanh (xí nghiệp, nhà máy chế biến, nhà kho, xưởng sản xuất,...)	9,38		9,38			
1	Khu đất (sản xuất tập trung)	3,95		3,95	Tân Hội Trung	2021-2025	Tờ bản đồ 07, thửa đất 1703
2	Cụm Công nghiệp Mỹ Hiệp, lô C2	2,37		2,37	Mỹ Hiệp	2021-2025	Tờ bản đồ 11, thửa đất 1024
3	khu đất công xã Nhị Mỹ	1,94		1,94	Nhị Mỹ	2021-2025	Tờ bản đồ 06, thửa đất 201
4	Khu đất Trung Tâm Giáo dục thường xuyên	0,32		0,32	thị trấn Mỹ Thọ	2021-2025	Tờ bản đồ 13, thửa đất 08
5	Trụ sở UBND xã Tân Hội Trung	0,38		0,38	Tân Hội Trung	2021-2025	Tờ bản đồ 05, thửa đất 191, 238
6	Trụ sở UBND xã Bình Thạnh	0,42		0,42	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 09, thửa đất 673
c	Dự án thương mại, dịch vụ (chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, du lịch, nghỉ dưỡng, cửa hàng kinh doanh),...	16,41		16,41			
1	Chợ đầu mối trái cây	1,51		1,51	Mỹ Hiệp	2021-2025	
2	Chợ đầu mối trái cây (mở rộng)	8,30		8,30	Mỹ Hiệp	2021-2025	
3	Chợ Mỹ Thọ 2	0,48		0,48	Thị trấn Mỹ Thọ	2021-2025	
4	Đất bãi bồi	2,98		2,98	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 22, thửa đất 228
5	Đất bãi bồi	3,14		3,14	Bình Thạnh	2021-2025	Tờ bản đồ 22, thửa đất 257